

Tin tức giáo dục tiếng Nhật:

Bổ sung mục thông tin tham khảo trình độ CEFR tương ứng trong kết quả thi JLPT

[Truy cập bản gốc tiếng Nhật ở đây](#)

1. Bối cảnh và việc bổ sung mục thông tin tham khảo trình độ CEFR tương ứng trong kết quả thi JLPT

[Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật \(JLPT\)](#) (dưới đây gọi là JLPT) là kỳ thi đánh giá và chứng nhận năng lực tiếng Nhật dành cho những người sử dụng tiếng Nhật không phải tiếng mẹ đẻ do [Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản](#) (JF) và [Hiệp hội hỗ trợ giáo dục Nhật Bản](#) tổ chức. Đây là kỳ thi tiếng Nhật lớn nhất thế giới, trong năm 2024 ước tính có 1.720.000 người đăng ký tham gia dự thi đến từ 96 quốc gia, vùng lãnh thổ trong đó có Nhật Bản. JLPT chia thành 5 cấp độ (N5, N4, N3, N2, N1, trong N1 là trình độ cao nhất), thí sinh có thể đăng ký mức độ dự thi phù hợp với năng lực của bản thân.

Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu ([Common European Framework of Reference for Languages : Learning, teaching, assessment](#) [【PDF : 1.1MB】](#)) (dưới đây gọi là CEFR) là một tiêu chuẩn chung được sử dụng trong việc học tập, giảng dạy, đánh giá năng lực ngôn ngữ tại Châu Âu do Hội đồng Châu Âu ([Council of Europe](#)) ban hành năm 2001. CEFR phân chia mức độ thành thạo ngoại ngữ thành 6 cấp độ (A1, A2, B1, B2, C1, C2, trong đó C2 là trình độ cao nhất). Khả năng ngoại ngữ ở từng trình độ được thể hiện qua các câu mô tả khả năng sử dụng ngôn ngữ như "Có thể dùng để" (dưới đây gọi là "câu mô tả năng lực").

CEFR hiện được dịch sang hơn 40 ngôn ngữ và sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới như một khung tham chiếu quốc tế để đánh giá và mô tả khả năng vận dụng ngoại ngữ trên một tiêu chuẩn đồng nhất. Trong lĩnh vực giáo dục tiếng Nhật, Cục Văn hóa Nhật Bản đã ban hành "[Khung tham chiếu giáo dục tiếng Nhật \(Dang báo cáo\)](#)" [【PDF: 6.7MB】](#) (dưới đây gọi là Khung tham chiếu), Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (JF) đã công bố "[Tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật JF](#)", với tư cách là khung tiêu chuẩn được dùng trong học tập, giảng dạy, đánh giá năng lực tiếng Nhật được xây dựng dựa trên nền tảng CEFR.

“Khung tham chiếu” đưa ra quan điểm rằng trong bối cảnh các nội dung học tập và giảng dạy ngày càng trở nên đa dạng, cần thiết phải xây dựng và áp dụng một bộ tiêu chí chung về năng lực

tiếng Nhật mà các kỳ thi đánh giá, chứng nhận. Trên cơ sở đó, nhằm giúp các bên liên quan trong đó có người dự thi có thể đối chiếu kết quả thi tiếng Nhật JLPT với khung tiêu chuẩn quốc tế (CEFR). Chính vì vậy, sau khi tiến hành các công đoạn kiểm chứng và đối chiếu khác nhau, mục thông tin tham khảo trình độ CEFR tương ứng đã được bổ sung vào phiếu thông báo kết quả thi JLPT. Thông qua mục tham khảo, chúng ta có thể biết được chẳng hạn thi đỗ tiếng Nhật N4 tương đương trình độ nào trong CEFR.

2. Mục thông tin tham khảo trình độ CEFR tương ứng trong kết quả thi JLPT

Bắt đầu từ kỳ thi JLPT tháng 12 năm 2025, trên phiếu thông báo kết quả thi JLPT sẽ bổ sung mục thông tin tham khảo trình độ CEFR tương ứng (phần được khoanh đỏ trong Hình 1).

Đối với thí sinh đỗ, kết quả sẽ hiển thị trình độ CEFR tương ứng với tổng điểm JLPT đạt được.

Đối với thí sinh không đỗ (bao gồm cả những trường hợp tổng điểm đạt điểm đỗ nhưng có một phần thi không đạt điểm chuẩn quy định), trình độ CEFR sẽ không được hiển thị mà thay vào đó sẽ được đánh dấu bằng ký hiệu “*”.

● N1、N2、N3向け Dành cho N3, N2, N1

得点区分別得点 Scores by Scoring Section			総合得点 Total Score
言語知識 (文字・語彙・文法) Language Knowledge (Vocabulary/Grammar)	読解 Reading	聴解 Listening	120 / 180
50 / 60	30 / 60	40 / 60	

参考情報 Reference Information		
正答率 Percentage of Correct Responses		パーセンタイル順位 Percentile Rank
文字・語彙 Vocabulary	文法 Grammar	
A	B	CEFRレベル (言語能力・受容活動能力) CEFR Level (Linguistic, Reception)
		B2

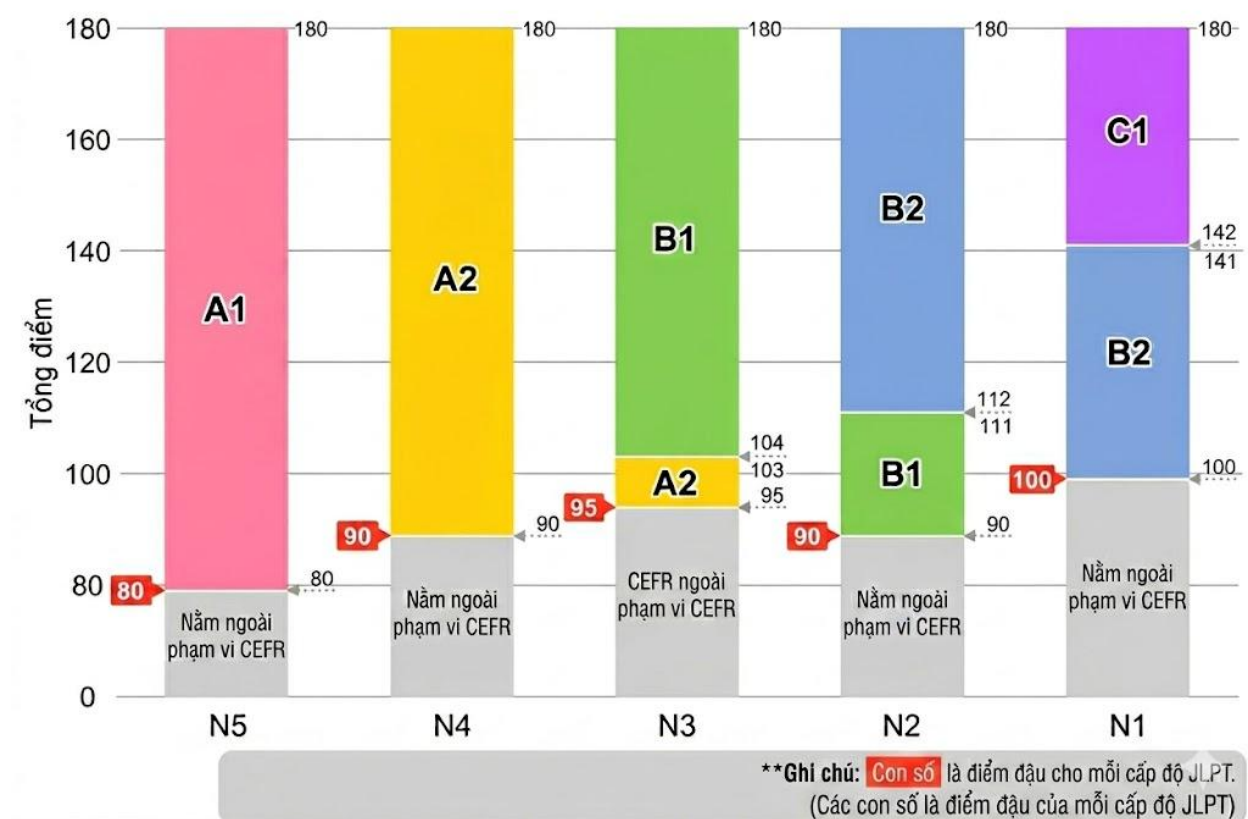
● N4、N5向け Dành cho N5, N4

得点区分別得点 Scores by Scoring Section			総合得点 Total Score
言語知識 (文字・語彙・文法)・読解 Language Knowledge (Vocabulary/Grammar)・Reading		聴解 Listening	120 / 180
80 / 120		40 / 60	

参考情報 Reference Information		
正答率 Percentage of Correct Responses		
文字・語彙 Vocabulary	文法 Grammar	読解 Reading
A	B	A
パーセンタイル順位 Percentile rank		CEFRレベル (言語能力・受容活動能力) CEFR Level (Linguistic, Reception)
86.7		
		A2

Hình 1: Mẫu Phiếu thông báo kết quả dành cho thí sinh đỗ JLPT

Hình 2 dưới đây biểu thị mối quan hệ tương quan giữa tổng điểm JLPT và các cấp độ trong CEFR.



Hình 2: Biểu đồ đối chiếu tổng điểm JLPT (N5-N1) với các cấp độ trong CEFR

Trình độ CEFR tương ứng với tổng điểm của từng cấp độ JLPT sẽ được hiển thị dưới dạng thông tin tham khảo. Trong đó, mục tổng điểm của N5 và N4 bao gồm điểm của phần "Kiến thức ngôn ngữ (Chữ hán · Từ vựng · Ngữ pháp) - Đọc hiểu" và phần "Nghe hiểu". Còn đối với N3, N2 và N1, tổng điểm bao gồm điểm ba phần riêng biệt bao gồm "Kiến thức ngôn ngữ (Chữ hán · Từ vựng · Ngữ pháp)", "Đọc hiểu" và "Nghe hiểu". Cụ thể, kết quả sẽ được hiển thị tham khảo như dưới đây.

- **Đối với N5:** Tổng điểm từ **80 điểm** (Điểm đỗ) trở lên đều được hiển thị là **Trình độ A1**.
- **Đối với N4:** Tổng điểm từ **90 điểm** (Điểm đỗ) trở lên đều được hiển thị là **Trình độ A2**.
- **Đối với N3:** Tổng điểm từ **95 điểm** (Điểm đỗ) đến **103 điểm** được hiển thị là **Trình độ A2**; từ **104 điểm** trở lên được hiển thị là **Trình độ B1**.

- **Đối với N2:** Tổng điểm từ **90 điểm** (Điểm đỗ) đến **111 điểm** được hiển thị là **Trình độ B1**; từ **112 điểm** trở lên được hiển thị là **Trình độ B2**.
- **Đối với N1:** Tổng điểm từ **100 điểm** (Điểm đỗ) đến **141 điểm** được hiển thị là **Trình độ B2**; từ **142 điểm** trở lên được hiển thị là **Trình độ C1**.

Đối với các cấp độ N3, N2 và N1, trình độ CEFR tương ứng sẽ có sự khác biệt tùy theo tổng điểm. Chiều cao (độ rộng) của các cấp độ CEFR trong hình 2 là thước đo biểu thị điểm số, không phải là tỷ lệ thí sinh thi đỗ.

Ngoài ra, phần hiển thị tham khảo trình độ CEFR trong kết quả JLPT chỉ phản ánh **năng lực ngôn ngữ** và **năng lực tiếp nhận thông tin** (kỹ năng nghe và đọc). Kết quả này không đánh giá các kỹ năng thuộc **hoạt động tạo sản ngôn ngữ** (kỹ năng nói và viết)-, cũng như khả năng tương tác, giao tiếp hai chiều.

Các nội dung được đánh giá trong JLPT bao gồm **kiến thức ngôn ngữ**, **đọc hiểu** và **nghe hiểu**, tương ứng với **năng lực ngôn ngữ** và **năng lực tiếp nhận thông tin** trong CEFR (phần được khoanh đỏ trong Hình 3).



Hình 3. Sơ đồ tổng quan về năng lực ngôn ngữ trong CEFR CV

Nguồn: Hội đồng châu Âu (2020), [Hội đồng châu Âu \(2020\), Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ dành cho việc học tập, giảng dạy và đánh giá – Bản bổ sung \(trang 13\)](#) **【PDF: 5,4 MB】** © Council of Europe, 2020 (bản tiếng Anh); © Goethe-Institut Tokyo, 2023 (bản tiếng Nhật). *(Phần khoanh đỏ được Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (JF) bổ sung.)*

3. Phương pháp xác định mức độ tương ứng giữa điểm số JLPT và trình độ CEFR

Vào năm 2009, Hội đồng Châu Âu - cơ quan xây dựng và công bố CEFR đã phát hành Cẩm nang hướng dẫn các kỳ thi ngôn ngữ đối chiếu với CEFR ([Relating Language Examinations to the Common European Framework of Reference for Languages: Learning, teaching, assessment \(CEFR\). A Manual](#) **【PDF : 3.6MB】**). Nội dung cẩm nang này được viện dẫn trong “Khung tham chiếu” do Cục Văn hóa ban hành và được dùng làm cơ sở để đối chiếu trình độ JLPT ra cấp độ tương đương trong CEFR. Thông qua quá trình đối chiếu, mối tương quan giữa tổng điểm của từng cấp độ JLPT và các cấp độ CEFR đã được xác định như minh họa ở hình 2.

Chẳng hạn, ở trình độ N3 của JLPT, thí sinh đạt điểm tổng đạt đến 103 điểm tương đương trình độ A2 của CEFR, trong khi từ 104 điểm trở lên tương ứng với trình độ B1. Quá trình xác định các ngưỡng điểm phân chia giữa các cấp độ như vậy được gọi là **thiết lập tiêu chuẩn (Standard Setting)**.

Vào tháng 10 năm 2024, Trung tâm Khảo thí tiếng Nhật thuộc Japan Foundation đã tổ chức một phiên đánh giá chuẩn đối với các phần thi Đọc hiểu và Nghe hiểu để xác định mối tương quan giữa JLPT và CEFR. Phiên đánh giá có sự tham gia của 12 chuyên gia trong và ngoài Nhật Bản am hiểu về CEFR, các kỳ thi, đánh giá và quá trình phát triển năng lực của người học tiếng Nhật. Dựa trên cẩm nang hướng dẫn đối chiếu với CEFR đã đề cập ở trên, phiên thiết lập chuẩn được tiến hành theo quy trình như sau.

(1) Nâng cao hiểu biết về CEFR (Familiarisation)

Để tất cả các chuyên gia đánh giá có chung cách hiểu về các cấp độ và các câu mô tả năng lực (can-do statements) của CEFR, mỗi người sẽ thực hiện trước một bài tập kiểm tra, trong đó tự đánh giá cấp độ của các câu mô tả năng lực. Sau đó, dựa trên kết quả này, toàn bộ nhóm sẽ cùng thảo luận kỹ lưỡng để thống nhất nhận thức và cách hiểu.

(2) Phân tích và làm rõ đặc điểm của kỳ thi được đối chiếu (Specification)

Đơn vị tổ chức JLPT - Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản sẽ tiến hành phân tích kỳ thi theo các tiêu chí và quan điểm của CEFR, sau đó báo cáo kết quả cho các chuyên gia đánh giá.

(3) Tập huấn chuẩn hóa và xác định mức độ (Standardisation)

Các chuyên gia đánh giá sẽ trực tiếp phân tích đề thi JLPT, nghiên cứu cụ thể quan hệ tương quan giữa CEFR và JLPT.

(4) Thiết lập tiêu chuẩn và ngưỡng phân chia giữa các cấp độ CEFR

Các chuyên gia tiến hành xác định vị trí ranh giới của từng cấp độ CEFR trên dãy câu hỏi JLPT đã được sắp xếp theo mức độ khó tăng dần, từ dễ đến khó.

Ngoài bốn bước từ (1) đến (4) nêu trên, trong lần thiết lập chuẩn này còn bổ sung thêm hai quy trình khác. Đầu tiên là khảo sát sơ bộ đối với các chuyên gia của các cơ quan trực thuộc JF đang giảng dạy tiếng Nhật dựa trên tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật do JF xây dựng dựa trên nền tảng CEFR. Các chuyên gia này được yêu cầu đánh giá các câu hỏi của JLPT theo các trình độ CEFR và kết quả khảo sát cũng đã được công bố tại phiên thiết lập chuẩn.

Một quy trình nữa là việc điều chỉnh linh hoạt các cấp độ CEFR để phù hợp với kỳ thi JLPT. Đối với những mô tả năng lực (descriptor) của CEFR khó có thể áp dụng trực tiếp vào một kỳ thi quy mô lớn như JLPT, cơ quan tổ chức thi đã tiến hành phân tích, xây dựng quan điểm đánh giá riêng và trao đổi với các chuyên gia đánh giá trong quá trình thiết lập tiêu chuẩn.

Thông qua quy trình này, việc xác định các cấp độ CEFR cho phần thi Đọc hiểu và Nghe hiểu của JLPT đã được hoàn tất. Tiếp đó, dựa trên kết quả thu được, điểm số của phần Kiến thức ngôn ngữ được ước tính và sử dụng để đối chiếu với CEFR. Kết quả đối chiếu giữa tổng điểm JLPT và các cấp độ CEFR được thể hiện trong hình 2.

Cũng cần lưu ý rằng, các cấp độ CEFR được xác định tương ứng với kỳ thi JLPT chỉ nằm trong phạm vi từ A1 đến C1.

Trên đây là phần giới thiệu khái quát, do có những nội dung thuộc chuyên môn về khảo thí nên chưa thể giải thích chi tiết trong khuôn khổ bài viết này. Để hiểu rõ hơn, bạn đọc có thể tham khảo [Mục thông tin về việc hiện thị tham khảo trình độ CEFR tại trang JLPT](#) và mục [Hỏi đáp FAQ](#).

Hy vọng rằng việc bổ sung thông tin tham khảo trình độ CEFR tương ứng trong kết quả JLPT sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho hoạt động giảng dạy và học tập tiếng Nhật trên toàn thế giới trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo: [「Hướng tới việc hiện thị tham chiếu trình độ CEFR cho Kỳ thi Năng lực Nhật ngữ \(JLPT\) — Tập trung vào quy trình đối chiếu với CEFR」](#) **【PDF : 806KB】**

(Trung tâm Khảo thí tiếng Nhật thuộc Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản)

Bản gốc (Tiếng Nhật): Trang web của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản

日本語教育ニュース 日本語能力試験 (JLPT) の結果に CEFR レベルの参考表示を追加します！

Tin tức giáo dục tiếng Nhật: Bổ sung mục thông tham khảo trình độ CEFR tương ứng trong kết quả thi JLPT

<https://www.jpf.go.jp/j/project/japanese/teach/tsushin/news/202601.html>